

Số: 103/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là “Nghị định số 47/2016/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hàng tháng và trợ cấp đối với giáo viên mầm non có thời gian làm việc trước năm 1995 (sau đây viết tắt là “Nghị định số 55/2016/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo các Nghị định nêu trên.

Điều 1. Quy định chung

1. Thông tư này quy định về việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện:

a) Điều chỉnh mức lương cơ sở đối với các đối tượng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP.

b) Điều chỉnh quỹ phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Điều chỉnh trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng theo quy định tại Nghị định số 55/2016/NĐ-CP.

2. Căn cứ quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP, Nghị định số 55/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây viết tắt là “các bộ, cơ quan Trung ương”) và ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là “UBND”) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức, hướng dẫn, tổng hợp nhu cầu kinh phí và nguồn kinh phí để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở của các cơ quan, đơn vị và các cấp trực thuộc; điều chỉnh quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán; điều chỉnh trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã đã nghỉ việc, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

b) Xác định, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chi trả tiền lương mới cho cán bộ, công chức, viên chức; trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc; phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố đúng chế độ quy định và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 2. Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện là số thực có mặt tại thời điểm báo cáo (số có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 5 năm 2016).

Đối với số cán bộ, công chức, viên chức, không vượt quá tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2016.

Đối với số người làm việc theo chế độ hợp đồng, chỉ tổng hợp số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn trong cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là “Nghị định số 68/2000/NĐ-CP”); số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn trong cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (không bao gồm người lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp); số người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 47/2016/NĐ-CP.

Đối với số người vượt so với tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) tại thời điểm báo cáo, thì cơ quan, đơn vị phải tự đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP của số biên chế này từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; không tổng hợp chung vào nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2016 của các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) cụ thể của các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định như sau:

- Biên chế của các bộ, cơ quan trung ương: biên chế các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; biên chế của Văn phòng Chủ tịch nước theo Quyết định của Chủ tịch nước; biên chế các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị – xã hội ở Trung ương do Ban Tổ chức Trung ương thông báo; biên chế của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quyết định của cấp có thẩm quyền; biên chế hành chính nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương khác theo quyết định giao của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; biên chế đơn vị sự nghiệp của các bộ, cơ quan trung ương khác theo quyết định giao của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Biên chế của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: biên chế hành chính nhà nước theo quyết định giao của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; biên chế sự nghiệp theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật; biên chế của các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị – xã hội ở địa phương do Ban Tổ chức Trung ương thông báo. Riêng đối với biên chế cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã được xác định trong phạm vi định biên theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

2. Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP được xác định căn cứ vào mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ quy định (không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ và các khoản phụ cấp được quy định bằng mức tuyệt đối); mức khoán quỹ phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); mức tiền lương cơ sở tăng thêm quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP so với Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 theo số biên chế quy định tại khoản 1 Điều 2 nêu trên.

3. Đối với những người có hệ số lương từ 2,34 trở xuống đã được hưởng tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02

năm 2015 của Chính phủ, nếu tổng tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh và các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng của tháng 5 năm 2016 thấp hơn tổng tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, các khoản phụ cấp lương (nếu có) và tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP tính theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng của tháng 4 năm 2016, thì được hưởng phần chênh lệch cho bằng tổng tiền lương đã hưởng của tháng 4 năm 2016 và tổng hợp vào nhu cầu tiền lương tăng thêm theo Nghị định này.

4. Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 47/2016/NĐ-CP của các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm cả kinh phí tăng thêm thực hiện các chế độ, chính sách sau:

a) Đóng bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; đóng bảo hiểm y tế cho thân nhân người làm công tác cơ yếu.

b) Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư; chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 3115-QĐ/VPTW ngày 4 tháng 8 năm 2009 của Văn phòng Trung ương Đảng;

c) Hoạt động phí tăng thêm của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

d) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ quỹ phụ cấp tăng thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo mức khoán từ ngân sách trung ương;

đ) Hỗ trợ đối với tiền lương của giáo viên mầm non xã, phường, thị trấn làm việc theo chế độ hợp đồng theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc có mức trợ cấp hàng tháng thấp hơn 2.000.000 đồng/tháng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2016/NĐ-CP.

6. Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01 tháng 5 năm 2016 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 và xử lý nguồn thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

Điều 3. Xác định nguồn để đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 47/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2016/NĐ-CP

1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 47/2016/NĐ-CP trong năm 2016 của các bộ, cơ quan Trung ương:

a) Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2015 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2016 (nếu có).

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2016 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện các nghị định về điều chỉnh mức lương cơ sở, phụ cấp từ năm 2011 đến nay);

- Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu, chi từ hoạt động dịch vụ (sau khi đã thực hiện các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

Trường hợp các nguồn theo quy định nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Điều 2 Thông tư này, thì cơ quan, đơn vị phải tự bố trí, sắp xếp trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2016 được giao để đảm bảo đủ nguồn thực hiện.

Trường hợp một số cơ quan, đơn vị sau khi đảm bảo đủ nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương vẫn còn dư lớn và có nhu cầu phát triển hoạt động, thì đề xuất phương án sử dụng, báo cáo bộ, cơ quan Trung ương quản lý để tổng hợp, gửi Bộ Tài chính có ý kiến thống nhất trước khi sử dụng; đồng thời phải cam kết tự thu xếp trong nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2015 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2016 (nếu có).

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2016 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện các nghị định về điều chỉnh mức lương cơ sở, phụ cấp từ năm 2015 trở về trước). Riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ (sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh và tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá dịch vụ; số thu đã sử dụng để thực hiện các nghị định về tiền lương, phụ cấp từ năm 2015 trở về trước).

- Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu, chi từ hoạt động dịch vụ (sau khi đã thực hiện các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

Trường hợp các nguồn theo quy định nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Điều 2 Thông tư này, các đơn vị phải tự sắp xếp, bố trí từ các nguồn thu của đơn vị theo quy định và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2016 được giao (nếu có) để đảm bảo đủ nguồn thực hiện.